TÒA ÁN NHÂN DÂN **NAM** **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 05- 2020
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Phó;

Ông Lê Văn Minh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Hoàng Huy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 20 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 123/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33A/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/05/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Cẩm T** , sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp RT, xã MPT, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang

Bị đơn: Anh **Võ Thanh T1**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp 2, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1946

Địa chỉ: Ấp 2, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

(Chị Cẩm T có mặt tại phiên tòa; anh T1, bà C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: Chị và anh T1 chung sống với nhau vào năm 2017 đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Quá

trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng với nhau về quan điểm sống và mâu thuẫn này phát sinh từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, nên yêu cầu Tòa cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: vào năm 2018 chị có bỏ tiền ra xây dựng cấu trúc căn cấp 4 trên đất của mẹ chồng tên Nguyễn Thị C, trị giá cấu trúc căn nhà khoảng 40.000.000 đồng, ly hôn chị yêu cầu chia đôi mỗi người phân nữa, chị đồng ý giao cấu trúc căn nhà cho anh T1 và yêu cầu anh T1 hoàn lại ½ giá trị cấu trúc căn nhà thành tiền cho chị là 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị xin rút yêu cầu chia tài sản chung là cấu trúc căn nhà, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T1.

Về nợ chung: Không có.

***** Bị đơn anh Võ Thanh T1 quá trình giải quyết vụ án đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C quá trình giải quyết vụ án đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Võ Thanh T1 và bà Nguyễn Thị C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T1, bà C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Võ Thanh T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang là hôn nhân hợp pháp. Chị T xác định sau khi cưới nhau, vợ chồng chị cất nhà sống trên đất của mẹ chồng là bà C. Quá trình chung sống vợ chồng do bất đồng với nhau về quan điểm sống, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2019 đến nay, nay chị yêu cầu ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh T1 không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu ly

hôn của chị T và cũng không có thiện chí để hàn gắn quan hệ tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Là cấu trúc căn nhà cấp 4 được xây dựng từ năm 2018 trên đất của bà Nguyễn Thị C có trị giá khoảng 40.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án anh T1 không có ý kiến và tại phiên tòa Chị Cẩm T xin rút yêu cầu chia tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Chị Cẩm T là tự nguyện và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung nêu trên.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C, quá trình giải quyết vụ án bà không có trình bày ý kiến yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Chị Cẩm T được chấp nhận một phần, nên Chị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 Điều 5, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm T với anh Võ Thanh T1.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung là cấu trúc căn nhà cấp 4 xây dựng trên đất của bà Nguyễn Thị C, trị giá khoảng 40.000.000 đồng.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án là 300.000đồng theo biên lai thu số 01920 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, như vậy chị Cúc đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Cẩm T số tiền 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đã tạm nộp theo biên lai thu số 01921 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, TG;
- UBND xã TH, huyện CT, TG;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trịnh Phan Minh Trâm